

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 10 - 01- 2018

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TN, TỈNH TN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mừng

2. Bà Nguyễn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ánh Tuyết, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 10/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố TN, Tòa án nhân dân thành phố TN tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 697/2017/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2017 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2017/QĐXXST-DS ngày 30/11/2017 và quyết định hoãn phiên tòa số: 54/2017/QĐST-HNGĐ ngày 22/12/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Lệ T, sinh năm 1990. Nơi cư trú: Số 26/1, đường ĐBP, khu phố NH, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Cao Văn D, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Số 26/1, đường ĐBP, khu phố NH, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN. Nơi làm việc: Khu phố NT, phường NS, thành phố TN (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/10/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Lệ T trình bày:*

Chị T và anh D chung sống vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, thị xã TN (nay là phường NT, thành phố TN), tỉnh TN. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm, ghen tuông, nghi ngờ dẫn đến đánh nhau nhiều lần, đã ly thân từ tháng 10/2017 cho đến nay. Nay Chị nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên xin ly hôn anh D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Ngọc D, sinh năm 2012 và Cao Ngọc H, sinh năm 2015. Chị T xin nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Cao Văn D trình bày:*

Anh D xác nhận lời trình bày của chị T về thời gian chung sống vợ chồng và việc đăng ký kết hôn là đúng. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc do chị T có quan hệ tình cảm với người đàn ông khác nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay anh nhận thấy không thể tiếp tục chung sống được nữa nên đồng ý ly hôn chị T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Cao Ngọc D, sinh năm 2012 và Cao Ngọc H, sinh năm 2015. Anh D xin nuôi con tên Cao Ngọc D, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con; đồng ý giao con tên Cao Ngọc H cho chị T nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Vàng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống không hạnh phúc. Tại tòa anh chị thuận tình ly hôn nên ghi nhận. Về con chung: Các cháu không thuộc trường hợp phải lấy lời khai, anh D có nguyện vọng được nuôi cháu Diễm, nhưng cháu Diễm đang học tại trường mầm non Tân Khai nơi chị T làm việc, còn cháu Hân, sinh năm 2015 còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi và anh D không có nơi ở ổn định, sống ở nhà trọ có một mình nên giao hai cháu Cao Ngọc D và cháu Cao Ngọc H cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Về tài sản và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết. Đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn yêu cầu xin ly hôn với anh D, anh D có nơi cư trú tại địa chỉ: Số 26/1, đường ĐBP, khu phố NH, phường NT, thành phố TN, tỉnh TN. Nơi làm việc: Khu phố NT, phường NS, thành phố TN. Theo quy định

tại khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố TN.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh D chung sống vợ chồng vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NT, thị xã TN (nay là phường NT, thành phố TN), tỉnh TN, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Thời gian đầu Anh Chị chung sống hạnh phúc, về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do ghen tuông, không tin tưởng lẫn nhau. Hiện tại anh chị đã sống ly thân, không còn sống chung nhà. Trong thời gian sống ly thân Anh Chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ, cho thấy Anh Chị có ý thức để mặc cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài. Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay chị T, anh D thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử xét ghi nhận.

[3] Về con chung: Chị T, anh D có 02 con chung tên Cao Ngọc D, sinh năm 2012 và Cao Ngọc H, sinh năm 2015.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị T có nguyện vọng được nuôi 02 con chung. Anh D đồng ý giao con tên Cao Ngọc H cho chị T nuôi dưỡng và có nguyện vọng được nuôi con tên Cao Ngọc D.

Xét thấy, con chung của Anh Chị còn quá nhỏ và có giới tính là nữ. Các con đã sống cùng nhau từ nhỏ đến nay với chị T. Cháu Hân hiện chưa đủ 36 tháng tuổi, cháu Hân hiện đang học tại trường mầm non Tân Khai, huyện Tân Biên. Chị T có nơi cư trú và công việc ổn định, sắp xếp được thời gian để chăm lo cho con. Anh D có thu nhập khá, tuy nhiên anh D không có nơi cư trú ổn định, sống một mình và không có nhiều thời gian để chăm lo cho con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử xét thấy giao hai con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

[5] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận anh D, chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TN: Về quan hệ hôn nhân: Chị T, anh D thuận tình ly hôn. Về con chung: Giao hai cháu Cao Ngọc D và cháu Cao Ngọc H cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp. Về **tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết**. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[8] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Theo quy định tại điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án **thì chị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí là 300.000đ.**

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 54, 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Lệ T và anh Cao Thanh D tự nguyện thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Cao Ngọc D, sinh năm 2012 và Cao Ngọc H, sinh năm 2015 cho chị T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh D có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận chị T, anh D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Lệ T phải chịu 300.000đ nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000đ tại biên lai thu số 0004582 ngày 10/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN. Chị T đã nộp đủ án phí.

5. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh TN.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Phòng GDKT;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung